

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Ông Phạm Văn Sĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4, phường C, thị xã D, tỉnh H; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh H; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà A trình bày:

Bà A và ông B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 3 năm. Năm 2013, được sự đồng ý của 2 bên gia đình, bà A với ông B tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F, huyện D (Nay là huyện T), tỉnh H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27, quyển số 01/2012 ngày 28/3/2013. Sau khi kết hôn, bà A với ông B về chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của ông B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng hơn một năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng vào khoảng năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do ông B tham gia đánh bạc, cá độ gây nợ nần và không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà A đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B vẫn không thay đổi. Do đó, tháng 01/2019, bà A dẫn con trai về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Hiện, vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên L, sinh ngày 07/11/2013. Bà A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 22/5/2019, ông B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà A về việc thời điểm quen biết, chung sống và kết hôn. Nay bà A xin ly hôn, ông B có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B đồng ý ly hôn với bà A do vợ chồng không hợp nhau.

- Về con chung: Đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà A xin ly hôn với ông B, ông B hiện đang cư trú tại ấp E, xã F, huyện T, tỉnh H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông B có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện quen biết, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã F nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà A cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông B tham gia đánh bài, cá độ gây nợ nần và không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà A với ông B đã ly thân từ tháng 01/2019, vợ chồng hiện không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên đề nghị được ly hôn với ông B. Ông B cho rằng vợ chồng không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn nên bà A xin ly hôn thì ông đồng ý. Biên bản xác minh ngày 14/5/2019 của Tòa án tại Hội phụ nữ xã F, huyện T thể hiện, ông B và bà A

phát sinh mâu thuẫn do ông B tham gia bài bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà A với ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà A xin ly hôn, ông B đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên L, sinh ngày 07/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, bà A là người trực tiếp nuôi cháu Lâm. Bà A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, đề nghị ông B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; ông B đồng ý. Xét đây cũng là sự tự nguyện của các đương sự và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Ông B phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên L, sinh ngày 07/11/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà A và ông B đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030533 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Ông B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Lước

Phạm Văn Sữ

Lê Thị Bích Huệ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã F;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế